

THÔNG BÁO

Công khai Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần các lĩnh vực ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện Quyết định số 4554/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

Ủy ban nhân dân xã Thanh Đông thông báo công khai Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần các lĩnh vực ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai

Công khai Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến gồm:

- Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình các lĩnh vực ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Phụ lục II: Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần các lĩnh vực ngành Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Danh mục gồm các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Bồi thường nhà nước, Chứng thực, Hộ tịch, Nuôi con nuôi theo Quyết định số 4554/QĐ-UBND.

2. Hình thức và địa điểm công khai

Danh mục thủ tục hành chính được công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và trên Trang thông tin điện tử của xã.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính được hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thạnh Đông có trách nhiệm niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính nêu trên; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến theo quy định.

Thông báo này được công khai để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- LĐVP và CVVP (lqduy);
- Niêm yết tại TTPVHCC xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TTHCC (ttathu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Quang Đáng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH CÁC LĨNH
VỰC NGÀNH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

*(Kèm theo Thông báo số 227 /TB-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026
của UBND xã Thạnh Đông)*

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực Chứng thực		
1	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
2	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	
II	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	
2	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	
3	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	
4	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
5	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
6	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	
7	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
8	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	
9	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
10	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
11	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
12	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
13	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
14	1.005461	Đăng ký lại khai tử	
15	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
16	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
17	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
18	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	
19	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	
20	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
21	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
22	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
23	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
24	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	
25	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
26	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
27	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	
28	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
29	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
30	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
31	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
III	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
1	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
2	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	
3	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN CÁC LĨNH
VỰC NGÀNH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2026
của UBND xã Thanh Đông)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực Chứng thực		
1	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
2	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
3	2.001019	Chứng thực di chúc	
4	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
5	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	
6	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	
7	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	
8	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	
9	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
10	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
II	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
1	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	
III	Lĩnh vực Hộ tịch		

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	GHI CHÚ
1	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
2	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
3	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
4	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	
5	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
6	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
7	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
8	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
IV	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
1	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	